

Công ty CP Bệnh viện ĐKTN Triều An
425 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ II NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN TRIỀU AN

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

MẪU B 01-DN

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	30/06/23	31/3/2023
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149,672,880,471	156,236,599,702
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		90,305,855,717	103,013,430,052
	Tiền	111	V.1	70,175,355,390	82,896,866,299
	Các khoản tương đương tiền	112		20,130,500,327	20,116,563,753
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34,918,902,720	25,161,447,123
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	383,356,545	334,825,749
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2,290,154,960	3,156,820,461
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	32,944,826,172	22,369,235,870
4.	Dự phòng phải thu khó đòi	137	V.5	(699,434,957)	(699,434,957)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.6	21,053,118,363	24,714,220,979
1.	Hàng tồn kho	141		21,057,170,598	24,724,489,502
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4,052,235)	(10,268,523)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3,395,003,671	3,347,501,548
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2,631,188,271	2,579,686,148
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		763,815,400	763,815,400
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	-	4,000,000
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		967,708,283,057	971,311,329,658
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		503,581,557,075	503,581,557,075
1	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.8	42,297,755,785	42,297,755,785
2	Phải thu dài hạn khác	216	V.4	461,283,801,290	461,283,801,290
II.	Tài sản cố định	220		203,170,154,566	208,098,335,215
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	181,998,917,666	186,927,098,315
	Nguyên giá	222		465,686,208,089	464,139,565,089
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(283,687,290,423)	(277,212,466,774)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21,171,236,900	21,171,236,900
	Nguyên giá	228		21,171,236,900	21,171,236,900
	Giá trị hao mòn lũy kế	229			
III.	Bất động sản đầu tư	230			
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		27,218,799,412	27,226,425,547
	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		27,134,274,892	27,141,901,027
	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	84,524,520	84,524,520
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		224,640,000,000	223,740,000,000
	Đầu tư vào công ty con	251	V.11	39,640,000,000	38,740,000,000
	Đầu tư vào công ty liên kết	252		75,000,000,000	75,000,000,000
	Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác	253		110,000,000,000	110,000,000,000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		9,097,772,004	8,665,011,821
	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	9,097,772,004	8,665,011,821
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,117,381,163,528	1,127,547,929,360

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÍ II NĂM 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	148,852,150,040	146,970,135,684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9,185,000	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		148,842,965,040	146,970,135,684
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	129,656,045,325	129,018,076,209
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19,186,919,715	17,952,059,475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		292,062,987	170,512,794
7. Chi phí tài chính	22		122,596,376	159,634,622
Trong đó: - Chi phí tài chính	23		122,596,376	159,634,622
- Lãi vay NH	24			
8. Chi phí bán hàng	25		243,989,173	258,255,013
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10,224,128,006	9,291,544,709
CP không chứng từ - CL tỷ giá	28			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22)-(24 + 25)]	30		8,888,269,147	8,413,137,925
11. Thu nhập khác	31		1,170,369,514	3,108,251,890
12. Chi phí khác	32		843,510	22,005,778
13. Lợi nhuận khác (40=31 - 32)	40		1,169,526,004	3,086,246,112
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30 + 40)	50		10,057,795,151	11,499,384,037
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,005,779,515	(229,242,873)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50- 51 -52)	60		9,052,015,636	11,728,626,910
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập

Đặng Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng

Phạm Thị Mỹ Linh

Ngày 15 tháng 07 năm 2023

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

CỔ PHẦN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA

TỰ NHẬN

TRIỀU AN



VÕ NGỌC SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN TRIỀU

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

BAO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÍ II NĂM 2023

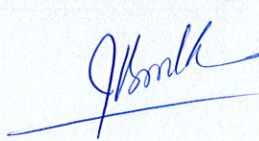
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	KỶ NÀY	KỶ TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10,057,795,151	11,499,384,037
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6,474,823,649	6,582,586,514
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(292,062,987)	(170,512,794)
- CP lãi vay				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08		16,240,555,813	17,911,457,757
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	VII	1,053,398,131	(13,457,958,356)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,667,318,904	(9,539,032,315)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay)	11	VII	(6,376,153,730)	15,270,303,351
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(484,262,306)	(57,845)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,363,868,758)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,239,118,623)	(1,714,729,131)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11,497,869,431	8,469,983,461
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	VII	(1,546,643,000)	(32,898,593)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24			
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(900,000,000)	(600,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
3. Thu lãi tiền ngân hàng, lãi tiền cho vay	27		292,062,987	170,512,794
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,154,580,013)	(462,385,799)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu củ	32			
1. Tiền thu từ đi vay	33			
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,857,000,000)	(1,857,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(77,300,000)	(104,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,934,300,000)	(1,961,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7,408,989,418	6,045,997,662
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82,896,866,299	35,690,810,623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	90,305,855,717	41,736,808,285

Người lập



Đặng Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng



Phạm Thị Mỹ Linh



Ngày 05 tháng 07 năm 2023

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

V. NGOC SON

V. NGOC SON

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN QUÍ II NĂM 2023

Số tài khoản	Tên tài khoản	Đầu kỳ Nợ	Đầu kỳ Có	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Cuối kỳ Nợ	Cuối kỳ Có
111	Tiền mặt	6,112,652,659		162,923,305,423	163,493,544,898	5,542,413,184	
112	Tiền gửi ngân hàng	76,784,213,640		114,893,696,420	127,044,967,854	64,632,942,206	
128	Đầu tư ngắn hạn khác	62,414,319,538		13,936,574		62,428,256,112	
131	Phải thu của khách hàng	0	31,939,379,439	224,140,724,704	215,344,154,252		23,142,808,987
133	Thuế GTGT được khấu trừ	763,815,400				763,815,400	
141	Tạm ứng	692,954,092		79,047,575	327,152,425	444,849,242	
152	Nguyên vật liệu chính	5,635,486,090		26,341,587,474	27,482,007,730	4,495,065,834	
153	Công cụ, dụng cụ	162,739,396		733,482,358	802,255,355	93,966,399	
154	Chi phí sản xuất kinh doanh DD	34,757,912,857		6,110,369,212	6,498,937,117	34,369,344,952	
156	Hàng hoá	11,310,252,185		33,086,590,761	35,163,774,640	9,233,068,305	
211	Tài sản cố định hữu hình	464,139,565,089		1,546,643,000		465,686,208,089	
213	Tài sản cố định vô hình	21,171,236,900				21,171,236,900	
214	Hao mòn tài sản cố định		277,212,466,774		6,474,823,649		283,687,290,423
221	Đầu tư tài chính dài hạn	38,740,000,000		900,000,000		39,640,000,000	
222	Đầu tư vào công ty liên doanh, LK	212,000,000,000				212,000,000,000	
228	Đầu tư dài hạn khác	110,000,000,000				110,000,000,000	
229	Dự phòng tổn thất tài sản		709,703,480	10,268,523	4,052,235		703,487,192
241	Xây dựng cơ bản dở dang	84,524,520				84,524,520	
242	Chi phí trả trước	11,244,697,969		3,826,368,147	3,342,105,841	11,728,960,275	
244	Ký quỹ, ký cược dài hạn	14,350,000				14,350,000	
311	Vay ngắn hạn						
331	Phải trả cho người bán		58,688,131,743	80,245,540,363	65,246,735,071		43,689,326,451
333	Thuế và các khoản phải nộp NN		1,517,535,399	3,796,188,959	3,316,527,435		1,037,873,874
334	Phải trả công nhân viên		97,100,000	47,299,197,019	53,127,671,634		5,925,574,615
335	Chi phí phải trả		100,000,000	100,000,000	1,933,291,798		1,933,291,798
338	Phải trả, phải nộp khác		66,894,272,900	16,562,723,536	6,624,079,145		56,955,628,509
341	Vay và nợ thuê tài chính		24,586,635,790	1,857,000,000			22,729,635,790
344	Nhận ký quỹ, ký cược		2,158,000				2,158,000
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,588,991,949		812,126,666	700,000	2,400,418,615	
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		490,194,099,139				490,194,099,139
414	Quỹ đầu tư phát triển		42,685,815,743				42,685,815,743
421	Lợi nhuận sau thuế chưa PP		62,990,413,877	12,943,686,267	21,995,701,903		72,042,429,512
511	DT bán hàng và cung cấp DV			148,852,150,040	148,852,150,040		

515	Doanh thu hoạt động tài chính			292,062,987	292,062,987	
521	Các khoản giảm trừ doanh thu			9,185,000	9,185,000	
632	Giá vốn hàng bán			136,284,221,391	136,284,221,391	
635	Chi phí tài chính			122,596,376	122,596,376	
641	Chi phí bán hàng			243,989,173	243,989,173	
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			10,224,128,006	10,224,128,006	
711	Thu nhập khác			1,170,369,514	1,170,369,514	
811	Chi phí khác			843,510	843,510	
821	Chi phí thuế thu nhập DN			1,005,779,515	1,005,779,515	
911	Xác định kết quả kinh doanh			163,249,083,808	163,249,083,808	
	TỔNG CỘNG	1,057,617,712,283	1,057,617,712,283	1,199,676,892,301	1,199,676,892,301	1,044,729,420,033
						1,044,729,420,033

Ngày 15 tháng 07 năm 2023

Người lập

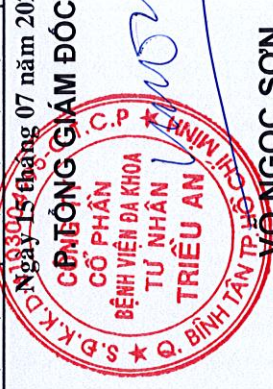


Đặng Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng



Phạm Thị Mỹ Linh



VÕ NGỌC SƠN

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An (tên giao dịch là Trieu An Hospital Corporation), tiền thân là Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 071727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 05 năm 1999. Công ty được chuyển đổi thành “Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An” theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số cũ 4103004995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 07 năm 2006.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 số 0301765901 vào ngày 08 tháng 08 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An - Nghĩa trang Thạnh Đức tại: Ấp 2, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 724 người

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ khám, chữa bệnh.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá - chi tiết: bệnh viện. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - chi tiết: nhà hàng. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - chi tiết: kinh doanh bất động sản. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - chi tiết: khách sạn, nhà nghỉ (không kinh doanh tại trụ sở). Giáo dục nghề nghiệp - chi tiết: đào tạo nghề. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí - chi tiết: tổ chức biểu diễn nghệ thuật. Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: kinh doanh khu vui chơi giải trí. Hoạt động của các cơ sở thể thao - chi tiết: hồ bơi, bóng rổ, bóng nước, bóng ném, sân quần vợt, cầu lông, bãi tắm, hồ câu cá, bãi biển, cỡi ngựa, cỡi voi tham quan, cỡi thuyền bay, đi du thuyền. Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày kết thúc năm tài chính, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 1 Công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều	Số 119-121, Đường Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Tư vấn đầu tư, tư vấn du học; đào tạo ngoại ngữ, tin học, phòng khám đa khoa

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An Loan Trâm	Số 379C ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	30%	30%	Hoạt động bệnh viện

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2. Ước tính kế toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với NSNN, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Điều lệ Công ty.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

(điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu về các khoản cho vay, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán riêng khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

18. Bên liên quan

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu bà Trâm Thuyết Kiều	17.000.000.000	7.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	14.350.000	14.350.000
Các khoản phải thu khác	14.216.211	14.216.211
b) Dài hạn	461.283.801.290	461.283.801.290
<i>Nhận góp vốn hợp tác đầu tư</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại và Địa ốc Bình Chánh (i)	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 (ii)	416.283.801.290	416.283.801.290
Cộng	494.228.627.462	483.653.037.160

5. Nợ xấu

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Sở Y Tế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	9.734.957	(9.734.957)	9.734.957	(9.734.957)
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Thành	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Công ty TNHH MTV XD-TM-DV An Lạc Tân	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
Công ty TNHH SX sản phẩm Điện - Thương Mại Tự Động	8.000.000	(8.000.000)	8.000.000	(8.000.000)
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Tạm ứng nhân viên Ông Nguyễn Đức Viên	31.700.000	(31.700.000)	31.700.000	(31.700.000)
Cộng	699.434.957	(699.434.957)	699.434.957	(699.434.957)

6. Hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA
KHOA TỬ NHÂN TRIỀU AN**
Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An
Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí
Minh

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	125.614.686.441	315.773.291.221	19.899.590.439	2.003.981.261	848.015.727	464.139.565.089
Tăng trong kỳ	-	1.546.643.000	-	-	-	1.546.643.000
Mua sắm mới	-	1.546.643.000	-	-	-	1.546.643.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	125.614.686.441	317.319.934.221	19.899.590.439	2.003.981.261	848.015.727	465.686.208.089
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	66.532.164.723	196.253.131.720	11.977.509.772	1.738.035.174	711.625.382	277.212.466.774
Tăng trong kỳ	1.418.908.307	4.567.829.571	455.850.431	14.899.799	17.335.545	6.474.823.649
Khấu hao trong kỳ	1.418.908.307	4.567.829.571	455.850.431	14.899.799	17.335.545	6.474.823.649
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	67.951.073.030	200.820.961.291	12.433.360.203	1.752.934.974	728.960.926	283.687.290.423

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỰ NHÂN TRIỀU AN
Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
		Dự phòng		Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con					
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều	39.640.000.000	-	38.740.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An Loan Trâm	75.000.000.000	-	75.000.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu đô thị mới Sài Gòn	110.000.000.000	-	110.000.000.000	-	-
Cộng	224.640.000.000	-	223.740.000.000	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Giá trị	Giá trị
TTBYT Hoàng Đức		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà	316.030.936	201.010.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TENAMYD	160.650.000	480.731.961
Công ty TNHH Khả Lộc	16.990.000	102.813.000
Công ty Cổ phần TM DV Hải Đăng Vàng	831.998.000	1.218.754.000
Phải trả các đối tượng khác	16.389.961.412	21.600.641.204
Cộng	45.979.481.411	61.844.952.204

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh	17.829.093.540	26.002.301.027
Người mua trả tiền trước là Công ty, tổ chức		
Người mua trả tiền trước là bệnh nhân	5.697.071.992	6.271.904.162
Cộng	23.526.165.532	32.274.205.189

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
a) Phải nộp	1.517.535.399	3.316.527.435	3.796.188.959	1.037.873.874
Thuế GTGT đầu ra	157.666.641	100.789.082	226.361.363	32.094.359
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.205.915.328	2.205.915.328	
Các loại thuế khác		43.510	43.510	
<i>Thuế môn bài</i>	(4.000.000)	4.000.000		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.363.868.758	1.005.779.515	1.363.868.758	1.005.779.515

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí khám, chữa bệnh	1.933.291.798	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỬ NHÂN
TRIỆU AN
Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

18. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	Giá trị	
a) Ngắn hạn	5.571.000.000		1.857.000.000	3.714.000.000		
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM	5.571.000.000		1.857.000.000	3.714.000.000		
b) Dài hạn	19.015.635.790			19.015.635.790		
Vay dài hạn Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM	19.015.635.790			19.015.635.790		
Cộng	24.586.635.790		1.857.000.000	22.729.635.790		

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỬ NHÂN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Bà Dương Thị Đệ	18.750.000	38,27%	18.750.000	38,27%
Bà Viên Tú Anh	1.686.000	3,44%	1.686.000	3,44%
Ông Trịnh Nhật Toàn	300.000	0,61%	300.000	0,61%
Ông Võ Ngọc Sơn	200.000	0,41%	200.000	0,41%
Ông Trần Ngọc Henri	2.000.000	4,08%	2.000.000	4,08%
Bà Trâm Thuyết Kiều	10.495.500	21,42%	10.495.500	21,42%
Ông Nguyễn Hải Tùng	50.000	0,10%	50.000	0,10%
Các cổ đông khác	15.518.500	31,67%	15.518.500	31,67%
Cộng	49.000.000	100,00%	49.000.000	100,00%

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN
TRIỀU AN**
Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,

Cộng	1.170.369.514	3.108.251.890
8. Chi phí khác	843.510	22.005.778
9. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.005.779.515	(229.242.873)

V. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Người lập biểu



Đặng Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng



Phạm Thị Mỹ Linh



Tổng Giám đốc



Võ Ngọc Sơn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2023